

Biểu số
005.N/BCB-GDDT
 Ban hành kèm theo Nghị
 định số 139/2026/NĐ-CP
 ngày 07/4/2026
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 31 tháng 3 năm kế
 tiếp sau năm báo cáo

TỶ LỆ PHÂN LUỒNG HỌC SINH
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ
SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VÀO HỌC GIÁO DỤC NGHỀ
NGHIỆP

Có tại ngày 31 tháng 12 năm ...

Đơn vị báo cáo:
 Bộ Giáo dục và Đào
 tạo
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục Thống kê, Bộ Tài
 chính

Nội dung	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	THCS			THPT		
				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
					Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học t	01	Người							
Chia ra									
1. Số học sinh hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở năm học t	02	Người							
2. Số học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông năm học t	03	Người							
3. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm học t	04	Người							
II. Số học sinh đã hoàn thành chương trình trung học cơ sở, hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và tốt nghiệp trung học phổ thông vào học các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp năm học t+1	05	Người							
Chia ra									
1. Trung học nghề	06	Người							

2. Trung cấp	07	Người							
3. Cao đẳng	08	Người							
III. Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp	09	%							
Chia ra									
1. Trung học nghề	10	%							
2. Trung cấp	11	%							
3. Cao đẳng	12	%							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 005.N/BCB-GDDT: Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và tốt nghiệp trung học phổ thông vào học các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp năm học t+1 so với tổng số học sinh hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và tốt nghiệp trung học phổ thông năm học t.

Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông được hiểu thống nhất theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 cụ thể như sau: học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông là học sinh hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, học sinh được cấp chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và học sinh được cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 2: Ghi tổng số học sinh trung học cơ sở theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 3: Ghi số học sinh trung học cơ sở công lập theo các dòng tương ứng của cột A.

- Cột 4: Ghi số học sinh trung học cơ sở tư thực theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 5: Ghi tổng số học sinh trung học phổ thông theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 6: Ghi số học sinh trung học phổ thông công lập theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 7: Ghi số học sinh trung học phổ thông tư thực theo các dòng tương ứng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Tại thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Giáo dục và Đào tạo.